

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN B
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1517/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 11/8/2022

V/v tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN B, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Kiều Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Trần Văn Phú
- Bà Lâm Thị Hoàng Oanh

Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Thương - Cán bộ Tòa án nhân dân quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận B Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Hồ Thị Phương Thảo – Kiểm sát viên.

Trong ngày 11 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận B, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 197/2022/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 02 năm 2022 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 0298/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:** Bà Lê Thị P, sinh năm 1969
Địa chỉ: 197 Đường Đ, Phường X, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. *(Có đơn xin vắng mặt).*
- Bị đơn:** Ông Phan Thanh T, sinh năm 1968
Địa chỉ: 197 Đường Đ, Phường X, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. *(Có đơn xin vắng mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện và các bản trình bày ý kiến, nguyên đơn, Bà Lê Thị P trình bày: Bà và ông Phan Thanh T đã tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân năm 1998, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 01, quyển số 01/98, do Ủy ban nhân dân Phường X, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 05/01/1998. Quá trình chung sống vợ chồng nhiều lần gây gổ, do ông T ham chơi, ăn nhậu, không lo lắng chăm sóc gia đình, những lần như vậy ông T tự xách áo quần về gia đình mẹ ruột ở. Đến năm 2017, sau lần gây gổ cãi vã lớn tiếng, ông T về nhà mẹ ruột ở cho đến nay. Do đó, vợ chồng ông bà đã sống ly thân từ năm 2017 đến nay, nhận thấy hai bên không còn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà P yêu cầu được ly hôn ông Phan Thanh T.

Trong quá trình chung sống, ông bà có 02 con chung tên: Phan Lê Thanh T, sinh năm 1999 và Phan Bảo N, sinh năm 2001, đều đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn, Ông Phan Thanh T trình bày: Các trình bày của bà P về việc kết hôn và chung sống như nêu ở trên là đúng. Về con chung : Ông và bà P có 02 con chung tên Phan Lê Thanh T, sinh năm 1999 và Phan Bảo N, sinh năm 2001, đều đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông T nêu cuộc sống vợ chồng của ông và bà P hạnh phúc thỉnh thoảng có gây gổ mâu thuẫn và ông đã về sống tại nhà mẹ ruột tại địa chỉ : 685/30/59 đường V, Phường X, quận B, TPHCM từ năm 2017 đến nay, nhưng ông vẫn về nhà, đưa đón con. Hiện nay ông vẫn còn tình cảm nên không đồng ý ly hôn bà P, ông đã nhiều lần khuyên nhủ bà P để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng bà P không đồng ý. Nếu bà P vẫn muốn đơn phương ly hôn thì tùy Tòa án giải quyết. Về tài sản : Ông T không tranh chấp tài sản chung, hai bên tự thỏa thuận, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; Nợ chung không có.

Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải hai bên đoàn tụ nhưng không thành.

Tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn: Có đơn xin vắng mặt.

Bị đơn: Có đơn xin vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận B phát biểu về việc chấp hành đúng quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự của thẩm phán, Hội đồng xét xử, các đương sự và xác định: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đã thực hiện các quyền, nghĩa vụ của mình trong quá trình tham gia tố tụng.

Về nội dung vụ án: Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình đề nghị Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về hôn nhân: Bà Lê Thị P được ly hôn Ông Phan Thanh T; Về con chung: Có 02 con chung tên Phan Lê Thanh T, sinh năm 1999 và Phan Bảo N, sinh năm 2001, đều đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết; Nợ chung: Không có. Về án phí: Bà Lê Thị P phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thẩm quyền:* Căn cứ vào lời khai của đương sự thì giữa các bên đã phát sinh quan hệ tranh chấp “Ly hôn”. Xét việc khởi kiện của Bà Lê Thị P phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 186 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] *Về thủ tục tố tụng:* Xét nguyên đơn và bị đơn có Đơn xin vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án. Căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3] Xét yêu cầu của đương sự:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân:

Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 01, quyển số 01/98, do Ủy ban nhân dân Phường 26, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 05/01/1998 thì quan hệ hôn nhân giữa bà Lê Thị P và ông Phan Thanh T là quan hệ hôn nhân hợp pháp, phù hợp với các quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình nên được pháp luật bảo vệ.

Theo đơn ly hôn, bản tự khai và trình bày của bà Lê Thị P thì sau thời gian chung sống hạnh phúc ban đầu, quá trình chung sống vợ chồng bà đã nhiều lần gây gổ, do ông T ham chơi, ăn nhậu, không lo lắng chăm sóc gia đình, những lần như vậy ông T tự xách áo quần về gia đình mẹ ruột ở. Đến năm 2017, sau lần gây gổ cãi vã lớn tiếng, ông T về nhà mẹ ruột ở cho đến nay.

Ông T cũng đã thừa nhận cuộc sống vợ chồng của ông và bà P tuy hạnh phúc nhưng vẫn có mâu thuẫn, hai bên có gây gổ và sau mỗi lần tranh cãi ông đã về sống tại nhà mẹ ruột tại địa chỉ : 685/30/59 đường V, Phường X, quận B, TPHCM, đến năm 2017 thì ông dọn về ở hẳn tại nhà mẹ ruột cho đến nay. Ông T không đồng ý ly hôn vì vẫn còn tình cảm với bà P nhưng tại biên bản lấy lời khai ngày 06/7/2022, ông xác định không muốn dọn về ở chung cùng bà P. Mặt khác ông cũng đã nhiều lần khuyên nhủ bà P để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng bà P không đồng ý.

Từ những nhận định trên, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình 2014, Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn giữa bà P và ông T đã kéo dài nhiều năm, hai bên đã sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay, ông T không đồng ý ly hôn nhưng không có biện pháp để hàn gắn, Tòa án cũng đã hòa giải đoàn tụ nhiều lần nhưng bà P kiên quyết ly hôn. Như vậy có thể thấy mâu thuẫn giữa bà P và ông T là trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là có cơ sở nên được chấp nhận.

[3.2] Về con chung: Ông T và bà P có 02 con chung tên: Phan Lê Thanh T, sinh năm 1999 và Phan Bảo N, sinh năm 2001, đều đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.3] Về tài sản:

- Tài sản chung: Ông T và bà P tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Nợ chung: Ông T và bà P khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Lê Thị P phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng được căn trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2021/0000604 ngày 07/02/2022 của Chi cục thi hành án dân sự quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà P đã nộp đủ án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình;
- Điều 26 Luật thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014);

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn, Bà Lê Thị P.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị P được ly hôn Ông Phan Thanh T.
- Về con chung: Có 02 con chung tên: Phan Lê Thanh T, sinh năm 1999 và Phan Bảo N, sinh năm 2001, đều đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét.
- Về tài sản chung: Ông T và bà P tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết và nợ chung hai bên khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về án phí sơ thẩm:

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Lê Thị P phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng được căn trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2021/0000604 ngày 07/02/2022 của Chi cục thi hành án dân sự quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà P đã nộp đủ án phí.

3. Quyền kháng cáo: Bà Lê Thị P và Ông Phan Thanh T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp quyết định, bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các qui định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND TP. HCM;
- VKSND Q. B;
- Chi cục THADS quận B;
- UBND phường X, quận B (GKH số 01 ngày 05/01/1998).
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

Nguyễn Kiều Trang

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lâm Thị Hoàng Oanh

Trần Văn Phủ

Nguyễn Kiều Trang

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN B
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 08 giờ 30 ngày 11/8/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Hội đồng xét xử với thành phần gồm có:

- Thẩm phán, chủ tọa phiên tòa:
- Hội thẩm nhân dân: 1 – Ông Trần Văn Phủ

2 – Bà Lâm Thị Hoàng Oanh

Đã nghị án vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 197/2022/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 02 năm 2022 về tranh chấp "Ly hôn" giữa:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị P, sinh năm 1969

Địa chỉ: 197 Đình Bộ Lĩnh, Phường 26, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. (Có đơn xin vắng mặt).

2. Bị đơn: Ông Phan Thanh T, sinh năm 1968

Địa chỉ: 197 Đình Bộ Lĩnh, Phường 26, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. (Có đơn xin vắng mặt)

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án, căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, sự trình bày, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và xác nhận của các đương sự tại phiên tòa;

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:

Kết quả biểu quyết: 3/3

- Hội thẩm nhân dân Trần Văn Phủ: Nhất trí.
- Hội thẩm nhân dân Lâm Thị Hoàng Oanh: Nhất trí.
- Thẩm phán Nguyễn Kiều Trang: Nhất trí.

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình;
- Điều 26 Luật thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014);
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn, Bà Lê Thị P.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị P được ly hôn Ông Phan Thanh T.
- Về con chung: Có 02 con chung tên: Phan Lê Thanh T, sinh năm 1999 và Phan Bảo N, sinh năm 2001, đều đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét.
- Về tài sản chung: Ông T và bà P tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết và nợ chung hai bên khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về án phí sơ thẩm:

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Lê Thị P phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án

số AA/2021/0000604 ngày 07/02/2022 của Chi cục thi hành án dân sự quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà P đã nộp đủ án phí.

3. Quyền kháng cáo: Bà Lê Thị P và Ông Phan Thanh T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp quyết định, bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các qui định tại Điều 6,7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Buổi nghị án kết thúc lúc 09 giờ 00 ngày 11/8/2022. Các thành viên đã đọc lại biên bản và ghi nhận đúng nội dung đã quyết định.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lâm Thị Hoàng Oanh

Trần Văn Phủ

Nguyễn Kiều Trang